HASECO SECURITIES

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Phiên giao dịch ngày 15/12/2023

DIỄN BIẾN CHUNG TOÀN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giảm 0.71% với thanh khoản đạt 15,885.36 tỷ đồng. Nước ngoài bán ròng mạnh, tự doanh mua ròng. Kết phiên giao dịch ngày 15/12/2023 VN-Index giảm 7.83 điểm với thanh khoản dưới trung bình 20 phiên.

Áp lực bán vẫn chiếm ưu thế trong phiên giao dịch ngày 15/12, theo đó các chỉ số dao động dưới tham chiếu trong phần lớn thời gian giao dịch. Về cuối phiên, ảnh hưởng của hoạt động cơ cấu quỹ ETF đã đẩy chỉ số giảm sâu, về vùng giá thấp nhất ngày.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 15-12, VN Index giảm 7.83 điểm (-0.71%) xuống 1,102.30 điểm với 162 mã tăng, 87 mã đứng giá và 338 mã giảm điểm. HNX Index giảm 0.21 điểm (-0.09%) xuống 227.02 điểm với 70 mã tăng, 65 mã đứng giá và 91 mã giảm điểm. UPCoM Index giảm 0.17 điểm (-0.20%) lên 85.05 điểm với 141 mã tăng, 114 mã đứng giá và 172 mã giảm điểm.

Thị trường hôm nay tiếp tục chứng kiến đà giảm sâu, sắc đỏ bao trùm các nhóm ngành. Đáng chú ý, nhóm ngành có vốn hóa lớn nhất thị trường là ngân hàng phân hóa khi các mã tăng giảm đan xen. Trong khi đó, nhóm cổ phiếu chứng khoán bật tăng về cuối phiên.

Dòng Thép: NKG (1.97%), HSG (-0.71%), HPG (-0.92%), SMC (0.00%), TLH (0.12%),...

Dòng Chứng khoán: MBS (2.73%), HCM (2.44%), SHS (1.65%), VND (1.63%), FTS (1.19%), BSI (0.78%)

Dòng Ngân hàng: VCB (-2.61%), VPB (-1.58%), MSB (-0.78%), VIB (-0.53%), ACB (1.11%), LPB (0.32%)...

Dòng Dầu khí: PSH (-2.31%), GAS (-1.17%), PVD (-0.74%), PVC (-0.67%), OIL (1.00%), PVB (0.00%),...

Dòng BĐS: NVL (3.68%), DXG (2.19%), CEO (0.88%), PDR (0.77%), KDH (-0.98%), LDG (-0.69%),...

Phiên nay khối ngoại có phiên bán ròng với giá trị đạt -1,470.58 tỷ đồng. Trong đó, HPG là cổ phiếu bị bán ròng mạnh nhất, giá trị đạt 287.70 tỷ đồng. Bên cạnh đó: SSI (178.00 tỷ), DGC (137.71 tỷ), VCB (134.71 tỷ), MSN (78.62 tỷ), KBC (68.30 tỷ), VCI (53.52 tỷ), STB (48.94 tỷ),... là một số cổ phiếu cũng bị bán ròng phiên nay.

Bên cạnh đó, cổ phiếu được nhà đầu tư nước ngoài mua ròng mạnh nhất là NVL đạt 115.44 tỷ đồng. Ngoài ra, một số cổ phiếu khác cũng được mua ròng hôm nay như: VND (111.31 tỷ), NKG (14.51 tỷ), NLG (15.58 tỷ), CMG (11.70 tỷ), FRT (10.89 tỷ), DGW (7.28 tỷ), FTS (6.84 tỷ), ITA (5.29 tỷ),...

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,102.3	227.02
% thay đổi	↓ -0.71%	↓ -0.09%
KLGD (CP)	749,829,297	79,956,200
GTGD (tỷ đồng)	15,885.36	1,639.14

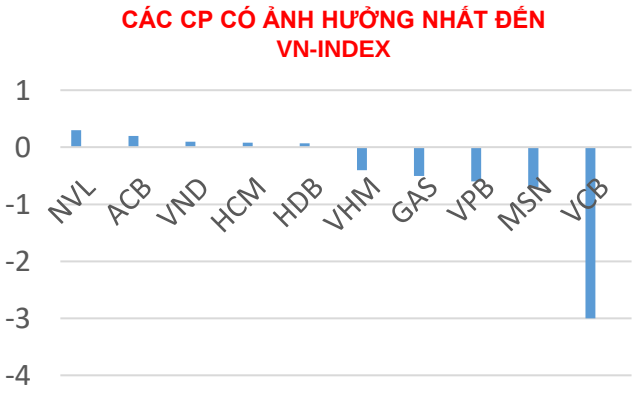

HASECO SECURITIES

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

Top 5 cổ phiếu có KLGD lớn nhất

Mã	Giá TC	Giá đóng	%	KLGD
NVL	16.30	16.90	3.68	38,515,800
VND	21.45	21.80	1.63	37,990,600
HPG	27.05	26.80	-0.92	34,686,700
HAG	13.45	13.05	-2.97	33,878,700
HQC	4.15	4.44	6.99	29,485,300

Top 5 cổ phiếu tăng giá nhiều nhất

Mã	Giá TC	Giá đóng	+/-	%
HQC	4.15	4.44	0.29	6.99
YEG	11.10	11.85	0.75	6.76
SVD	2.41	2.57	0.16	6.64
NO1	10.55	11.25	0.70	6.64
CCI	20.25	21.35	1.10	5.43

Top 5 cổ phiếu giảm giá nhiều nhất

Mã	Giá TC	Giá đóng	+/-	%
HNG	3.88	3.62	-0.26	-6.70
L10	21.90	20.45	-1.45	-6.62
VMD	18.70	17.50	-1.20	-6.42
PJT	10.50	9.85	-0.65	-6.19
DC4	9.15	8.46	-0.50	-5.58

HNX

Top 5 cổ phiếu có KLGD lớn nhất

Mã	Giá TC	Giá đóng	%	KLGD
SHS	18.20	18.50	1.65	17,650,200
CEO	22.60	22.80	0.88	15,051,600
HUT	19.60	19.50	-0.51	6,975,200
MBS	22.00	22.60	2.73	5,123,900
PVS	37.70	37.50	-0.53	4,550,000

Top 5 cổ phiếu tăng giá nhiều nhất

Mã	Giá TC	Giá đóng	+/-	%
MAS	26.20	28.70	2.60	9.96
TMX	10.10	11.10	1.00	9.90
HTC	20.30	22.30	2.00	9.85
NHC	25.50	28.00	2.50	9.80
VIT	13.40	14.70	1.30	9.70

Top 5 cổ phiếu giảm giá nhiều nhất

Mã	Giá TC	Giá đóng	+/-	%
VE8	6.10	5.50	-0.60	-9.84
HTP	14.40	13.00	-1.40	-9.72
SGD	11.70	10.60	-1.10	-9.40
SDU	19.30	17.50	-1.80	-9.33
LDP	13.00	11.80	-1.20	-9.23

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Trong phiên sáng ngày 15/12/2023, thị trường vẫn giao dịch không mấy thuận lợi khi áp lực bán vẫn chiếm chủ đạo và thiếu lực đỡ từ nhóm cổ phiếu bluechip. Thị trường chỉ có những nhịp bật hồi le lói sắc xanh rồi nhanh chóng quay đầu, số mã giảm điểm gấp hơn 2,5 lần số mã tăng, tuy nhiên mức giảm của các cổ phiếu không quá lớn nên chỉ số vẫn chỉ giảm chưa tới 5 điểm và vẫn đứng trên ngưỡng 1105 điểm. Các nhóm cổ phiếu cũng hầu hết chuyển đỏ, trong đó những nhóm chính như ngân hàng, chứng khoán và bất động sản không nằm ngoài xu hướng chung, thị trường về cuối phiên vẫn duy trì đà giảm nhẹ và bảo toàn vùng giá 1100 điểm với thanh khoản dè dặt.

Bước sang phiên chiều thị trường có nhịp phục hồi nhờ các nhóm BĐS, Chứng khoán cùng một số bluechip đã giúp chỉ số lấy lại sắc xanh. Tuy nhiên vẫn như các phiên trước, sau hơn 14h áp lực bán mạnh đổ vào khiến chỉ số quay đầu giảm điểm, sau phiên ATC chỉ số đóng cửa giảm gần 8 điểm do đây là phiên cơ cấu quỹ ETF.

VN-Index theo đồ thị ngày, phiên ngày 15/12 thị trường xuất hiện phiên giảm với thanh khoản cao hơn phiên trước đó, việc thanh khoản lớn ở phiên ngày 15/12 do phiên cơ cấu ETF, về chỉ số đã thủng MA50 và lấp lại Gap tạo ra ngày 04/12 và đang tiếp cận với vùng hỗ trợ dưới. Thị trường nhìn chung vẫn đang đi trong biên Sideway và dự kiến ngắn hạn có thể vẫn tiếp tục giao dịch giằng co và phân hóa nhẹ với hỗ trợ 1085-1080 điểm, do nền tích lũy vẫn chưa đủ có thể mất một vài tuần nữa.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Theo chúng tôi, phiên ngày 15/12 thị trường xuất hiện phiên giảm với thanh khoản cao hơn phiên trước đó, việc thanh khoản lớn ở phiên ngày 15/12 do phiên cơ cấu ETF. Về chỉ số đã thủng MA50 và lấp lại Gap tạo ra ngày 04/12 và đang tiếp cận với vùng hỗ trợ dưới. Thị trường nhìn chung vẫn đang đi trong biên Sideway và dự kiến ngắn hạn có thể vẫn tiếp tục giao dịch giằng co và phân hóa nhẹ với hỗ trợ 1085-1080 điểm, do nền tích lũy vẫn chưa đủ có thể mất một vài tuần nữa.

Với NĐT lướt sóng trong thời điểm này hạn chế giao dịch có chỉ giao dịch với tỷ trọng nhỏ, còn đối với NĐT ôm theo trend thì có thể canh điểm test lại ở các vùng hỗ trợ để giải ngân với các cổ phiếu kênh trên siết nền với thanh khoản thấp và linh hoạt cơ cấu mã yếu sang các mã khỏe, ưu tiên nhóm cổ phiếu như Chứng khoán, BĐS, KCN, Thép, Dầu khí.

Tổng quan thị trường chung

Thị trường đang ở trạng thái Sideway.

HASECO SECURITIES

LỊCH CHỐT QUYỀN CỔ TỨC TỪ NGÀY 01 ĐẾN 31/12/2023

Mã CK	Loại sự kiện	Ngày GDKHQ	Ngày chốt	Ngày thực hiện	Chi tiết
KTC	Trả cổ tức bằng tiền mặt	1/12/2023	4/12/2023	26/12/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 200 đồng/CP
VCS	Trả cổ tức bằng tiền mặt	1/12/2023	4/12/2023	14/12/2023	Trả cổ tức đợt 2/2023 bằng tiền, 2,000 đồng/CP
ECI	Trả cổ tức bằng tiền mặt	1/12/2023	4/12/2023	18/12/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 600 đồng/CP
IDV	Trả cổ tức bằng tiền mặt	1/12/2023	4/12/2023	25/12/2023	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 500 đồng/CP
TEG	Phát hành thêm	1/12/2023	4/12/2023		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1000:659.28123, giá 10,000 đồng/CP
ACG	Trả cổ tức bằng tiền mặt	1/12/2023	4/12/2023	21/12/2023	Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 700 đồng/CP
NTP	Trả cổ tức bằng tiền mặt	4/12/2023	5/12/2023	20/12/2023	Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 1,500 đồng/CP
WSB	Trả cổ tức bằng tiền mặt	4/12/2023	5/12/2023	18/12/2023	Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
GMX	Trả cổ tức bằng tiền mặt	4/12/2023	5/12/2023	20/12/2023	Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 800 đồng/CP
SBH	Trả cổ tức bằng tiền mặt	4/12/2023	5/12/2023	28/12/2023	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 2,445 đồng/CP
CMG	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	5/12/2023	6/12/2023		Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:6
	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5/12/2023	6/12/2023	28/12/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 600 đồng/CP
	Thưởng cổ phiếu	5/12/2023	6/12/2023		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1000:202
MSH	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5/12/2023	6/12/2023	22/12/2023	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 2,500 đồng/CP
ELC	Thưởng cổ phiếu	6/12/2023	7/12/2023		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:40
TV3	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/12/2023	8/12/2023	15/12/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 500 đồng/CP
VMS	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/12/2023	8/12/2023	22/12/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
HNF	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/12/2023	8/12/2023	26/12/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 2,500 đồng/CP
SIP	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/12/2023	8/12/2023	25/12/2023	Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
SJG	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/12/2023	8/12/2023	28/12/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP

HASECO SECURITIES

LỊCH CHỐT QUYỀN CỔ TỨC TỪ NGÀY 01 ĐẾN 31/12/2023

Mã CK	Loại sự kiện	Ngày GDKHQ	Ngày chốt	Ngày thực hiện	Chi tiết
PMC	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/12/2023	8/12/2023	22/12/2023	Trả cổ tức đợt 2/2023 bằng tiền, 4,600 đồng/CP
DNH	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/12/2023	8/12/2023	31/01/2024	Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/12/2023	8/12/2023	29/03/2024	Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
TLD	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	7/12/2023	8/12/2023		Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:4
LBM	Trả cổ tức bằng tiền mặt	8/12/2023	11/12/2023	27/12/2023	Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
DNT	Trả cổ tức bằng tiền mặt	8/12/2023	11/12/2023	20/12/2023	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 500 đồng/CP
QTP	Trả cổ tức bằng tiền mặt	11/12/2023	12/12/2023	31/01/2024	Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 750 đồng/CP
BTD	Trả cổ tức bằng tiền mặt	11/12/2023	12/12/2023	22/01/2024	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 700 đồng/CP
TV4	Trả cổ tức bằng tiền mặt	11/12/2023	12/12/2023	20/12/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,200 đồng/CP
PMJ	Trả cổ tức bằng tiền mặt	11/12/2023	12/12/2023	25/12/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 970 đồng/CP
TV2	Trả cổ tức bằng tiền mặt	11/12/2023	12/12/2023	22/12/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
MPC	Trả cổ tức bằng tiền mặt	12/12/2023	13/12/2023	22/12/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 411 đồng/CP
HU4	Trả cổ tức bằng tiền mặt	12/12/2023	13/12/2023	27/12/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
VSI	Trả cổ tức bằng tiền mặt	14/12/2023	15/12/2023	29/12/2023	Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
KTL	Trả cổ tức bằng tiền mặt	14/12/2023	15/12/2023	28/12/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 550 đồng/CP
HPP	Trả cổ tức bằng tiền mặt	14/12/2023	15/12/2023	31/01/2024	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
SCL	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	14/12/2023	15/12/2023		Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:8
VMD	Trả cổ tức bằng tiền mặt	14/12/2023	15/12/2023	25/12/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP
THG	Trả cổ tức bằng tiền mặt	14/12/2023	15/12/2023	5/1/2024	Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
YEG	Thưởng cổ phiếu	14/12/2023	15/12/2023		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1000:722

HASECO SECURITIES

LỊCH CHỐT QUYỀN CỔ TỨC TỪ NGÀY 01 ĐẾN 31/12/2023

Mã CK	Loại sự kiện	Ngày GDKHQ	Ngày chốt	Ngày thực hiện	Chi tiết
DXG	Phát hành thêm	14/12/2023	15/12/2023		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 6:1, giá 12,000 đồng/CP
DVC	Trả cổ tức bằng tiền mặt	14/12/2023	15/12/2023	10/1/2024	Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 600 đồng/CP
CLH	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15/12/2023	18/12/2023	28/12/2023	Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
NTL	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15/12/2023	18/12/2023	26/12/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 2,500 đồng/CP
SHE	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	15/12/2023	18/12/2023		Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20
BAX	Trả cổ tức bằng tiền mặt	18/12/2023	19/12/2023	16/01/2024	Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 2,000 đồng/CP
DVP	Trả cổ tức bằng tiền mặt	18/12/2023	19/12/2023	12/1/2024	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 2,500 đồng/CP
CNC	Trả cổ tức bằng tiền mặt	18/12/2023	19/12/2023	29/12/2023	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 2,000 đồng/CP
HTC	Trả cổ tức bằng tiền mặt	18/12/2023	19/12/2023	9/1/2024	Trả cổ tức đợt 2/2023 bằng tiền, 300 đồng/CP
PAT	Trả cổ tức bằng tiền mặt	19/12/2023	20/12/2023	18/01/2024	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 9,000 đồng/CP
DGC	Trả cổ tức bằng tiền mặt	19/12/2023	20/12/2023	18/01/2024	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 3,000 đồng/CP
BTP	Trả cổ tức bằng tiền mặt	19/12/2023	20/12/2023	10/1/2024	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 480 đồng/CP
NSC	Trả cổ tức bằng tiền mặt	19/12/2023	20/12/2023	19/01/2024	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP
DRL	Trả cổ tức bằng tiền mặt	19/12/2023	20/12/2023	29/12/2023	Trả cổ tức đợt 2/2023 bằng tiền, 2,000 đồng/CP
BEL	Trả cổ tức bằng tiền mặt	21/12/2023	22/12/2023	6/1/2024	Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 500 đồng/CP
LIX	Trả cổ tức bằng tiền mặt	21/12/2023	22/12/2023	5/1/2024	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
NTH	Trả cổ tức bằng tiền mặt	22/12/2023	25/12/2023	11/1/2024	Trả cổ tức đợt 2/2023 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
VDP	Trả cổ tức bằng tiền mặt	22/12/2023	25/12/2023	10/1/2024	Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
NSS	Trả cổ tức bằng tiền mặt	22/12/2023	25/12/2023	18/06/2024	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 300 đồng/CP
PSL	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25/12/2023	26/12/2023	28/03/2024	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 250 đồng/CP

HASECO SECURITIES

LỊCH CHỐT QUYỀN CỔ TỨC TỪ NGÀY 01 ĐẾN 31/12/2023

Mã CK	Loại sự kiện	Ngày GDKHQ	Ngày chốt	Ngày thực hiện	Chi tiết
HND	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25/12/2023	26/12/2023	28/02/2024	Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 400 đồng/CP
LGC	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25/12/2023	26/12/2023	20/03/2024	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP
	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25/12/2023	26/12/2023	20/03/2024	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 800 đồng/CP
	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25/12/2023	26/12/2023	20/03/2024	Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 600 đồng/CP
HTG	Trả cổ tức bằng tiền mặt	26/12/2023	27/12/2023	26/01/2024	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 2,500 đồng/CP
BFC	Trả cổ tức bằng tiền mặt	27/12/2023	28/12/2023	18/01/2024	Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 500 đồng/CP
TBC	Trả cổ tức bằng tiền mặt	27/12/2023	28/12/2023	25/01/2024	Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
DSN	Trả cổ tức bằng tiền mặt	28/12/2023	29/12/2023	12/1/2024	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 2,400 đồng/CP
CSV	Trả cổ tức bằng tiền mặt	28/12/2023	29/12/2023	9/1/2024	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
DRC	Trả cổ tức bằng tiền mặt	28/12/2023	29/12/2023	12/1/2024	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 500 đồng/CP
PPH	Trả cổ tức bằng tiền mặt	28/12/2023	29/12/2023	12/1/2024	Trả cổ tức đợt 2/2023 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
SIV	Trả cổ tức bằng tiền mặt	28/12/2023	29/12/2023	29/01/2024	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 1,000 đồng/CP

Tất cả những thông tin nêu trong bản tin này đều được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần chứng khoán Hải Phòng (HAC) không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin đề cập trong bản tin. Mọi quan điểm, phân tích, nhận định và khuyến nghị trong bản tin này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của HAC.
Báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo, không hàm ý khuyên NĐT nên mua, bán hay nắm giữ cổ phiếu.

Chịu trách nhiệm nội dung
Phòng môi giới
Chuyên viên: Phạm Phú Trường
Chuyên viên: Đoàn Thu Trang

Mọi thông tin chi tiết vui lòng liên hệ:

Phòng môi giới – Công ty Cổ phần chứng khoán Hải Phòng

Trụ sở chính tại Hải Phòng
Số 7, lô 28A đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
Tel: (0225) 3 842.332/3 842.335
Fax: (0225) 3 746.266/3 746.364
Email: haseco@haseco.vn
Website: www.haseco.vn

Chi nhánh Hà Nội
Số 163 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Tel: (024) 3574.7020
Fax: (024) 3574.7019

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh
Số 328 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (028) 3920.7800/01/02
Fax: (028) 3920.7825